

**GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN**

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ SỨC MẠNH MỀM VĂN HÓA<sup>(\*)</sup>**

**Đoàn Thu Nguyệt<sup>(\*\*)</sup>**

<sup>(\*\*)</sup> Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: nguyetdt@vnu.edu.vn

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh mềm văn hóa qua năm luận điểm cốt lõi: *Thứ nhất*, văn hóa là nguồn sức mạnh nội sinh “soi đường cho quốc dân đi”, vừa là động lực, vừa là mục tiêu phát triển; *Thứ hai*, bản sắc dân tộc với hạt nhân là lòng yêu nước và ngôn ngữ mẹ đẻ tạo nên cội rễ của sức mạnh mềm; *Thứ ba*, các giá trị nhân văn, đạo đức cách mạng và nền chính trị “lấy dân làm gốc” tạo sức hấp dẫn cho chế độ mới; *Thứ tư*, nâng cao dân trí và sử dụng văn hóa, báo chí như công cụ khai sáng, huy động sức mạnh toàn dân; *Thứ năm*, tinh thần khoan dung, hòa nhập và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa nhân loại làm phong phú văn hóa dân tộc, tạo sức mạnh mềm bền vững.

**Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh, sức mạnh mềm văn hóa, bản sắc dân tộc, giá trị nhân văn, văn hóa chính trị.

*Ngày nhận bài: 11/09/2025; ngày phản biện: 12/09/2025; ngày sửa chữa: 10/10/2025; ngày duyệt đăng: 15/10/2025.*

**1. Mở đầu**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh quốc tế ngày nay, khái niệm “sức mạnh mềm” (soft power) đã trở thành một phạm trù then chốt trong nghiên cứu quan hệ quốc tế và chiến lược phát triển quốc gia. Nếu sức mạnh cứng được đo lường bằng tiềm lực quân sự và kinh tế, thì sức mạnh mềm lại thể hiện ở khả năng thu hút, thuyết phục và tạo ảnh hưởng thông qua các giá trị văn hóa, hệ tư tưởng chính trị và chính sách đối ngoại. Điều đáng chú ý là, những tư

tưởng tiên phong về sức mạnh mềm văn hóa đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh hình thành và phát triển từ rất sớm, sâu sắc và có những đặc điểm rất riêng so với cách hiểu thông thường về khái niệm này trong lý thuyết phương Tây hiện đại. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa không đơn thuần là những quan điểm lý luận trừu tượng, mà là sản phẩm của một quá trình thực tiễn cách mạng sôi động,

<sup>(\*)</sup> Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, trong đề tài nghiên cứu mã số CS.2025.09.

được rèn giũa qua hành trình tìm đường cứu nước và trong suốt sự nghiệp lãnh đạo đất nước. Người đã nhìn thấy văn hóa không chỉ với tư cách một lĩnh vực của đời sống xã hội, mà còn là nguồn năng lượng tinh thần to lớn, là linh hồn của dân tộc, là yếu tố quyết định sự trường tồn và phát triển của một quốc gia. Chính nhờ sức mạnh mềm văn hóa mà dân tộc Việt Nam, một quốc gia nhỏ bé về lãnh thổ và dân số, đã có thể chiến thắng những đế quốc hùng mạnh, giành được độc lập dân tộc và nhận được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi từ cộng đồng quốc tế.

Bài viết này tập trung phân tích năm luận điểm cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh mềm văn hóa, từ vai trò nền tảng của văn hóa, bản sắc dân tộc, hệ giá trị nhân văn, cho đến việc nâng cao dân trí và tinh thần hội nhập quốc tế. Những luận điểm này không chỉ giải thích sức mạnh kỳ diệu của cách mạng Việt Nam trong quá khứ, mà còn mở ra những định hướng chiến lược quan trọng cho việc xây dựng và phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam trong thời đại mới.

## **2. Văn hóa là nguồn sức mạnh nội sinh “soi đường cho quốc dân đi”**

Trước hết, cần phải khẳng định một luận điểm nền tảng: Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, văn hóa không phải là một lĩnh vực phụ trợ, một yếu tố phụ thuộc hay một sản phẩm phái sinh từ kinh tế - chính trị. Ngược lại, Người đã đặt văn

hóa vào vị trí trung tâm, coi đó là nguồn sống, sức mạnh nội sinh kiến tạo nên sự trường tồn và phát triển của dân tộc. Văn hóa chính là ngọn đuốc “soi đường cho quốc dân đi” (Hồ Chí Minh 1997: 11) - một nhận thức mang tầm vóc triết học sâu sắc, vượt xa những quan niệm thông thường về vai trò của văn hóa trong xã hội.

### **2.1. Định nghĩa bao trùm về văn hóa**

Để thấu hiểu tại sao văn hóa lại có năng lực “soi đường”, chúng ta cần bắt đầu từ chính định nghĩa của Hồ Chí Minh về văn hóa. Vào tháng 8 năm 1943, trong khi còn bị giam cầm, Người đã viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” (Hồ Chí Minh 2011, tập 3: 458).

Định nghĩa này cho thấy một tầm nhìn rộng lớn và toàn diện. Văn hóa trong quan niệm của Hồ Chí Minh không chỉ giới hạn trong văn học, nghệ thuật, mà bao trùm toàn bộ đời sống con người, từ những giá trị vật chất cơ bản

nhất (ăn, mặc, ở) đến những giá trị tinh thần cao nhất (đạo đức, pháp luật, khoa học). Văn hóa là tất cả những gì con người sáng tạo ra để thoát khỏi trạng thái “mông muội”, để khẳng định sự tồn tại và không ngừng vươn lên. Quan niệm này tự nó đã hàm chứa một sức mạnh to lớn, bởi nó không xem văn hóa là thứ gì đó xa vời, mà gắn chặt với từng hơi thở, từng hành động của mỗi con người và cả cộng đồng.

Trong các tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh luôn thể hiện tư duy này một cách nhất quán. Khi nói về “văn minh”, một biểu hiện cao của văn hóa, Người không tách nó khỏi sự tiến bộ chung và các mối quan hệ quốc tế. Người viết: “Xét về nguyên tắc, tiến bộ chung phụ thuộc vào việc phát triển chủ nghĩa quốc tế; và văn minh chỉ có lợi khi các quan hệ quốc tế được mở rộng và tăng cường” (Hồ Chí Minh 2011, tập 1: 14). Điều này cho thấy, văn hóa, văn minh không phải là một thực thể tĩnh tại, khép kín, mà là một dòng chảy năng động, phát triển thông qua giao lưu và tương tác. Một quốc gia có văn hóa phát triển không chỉ mạnh ở bên trong, mà còn có khả năng kết nối và tạo ảnh hưởng ra bên ngoài – đó chính là bản chất của sức mạnh mềm.

Hơn nữa, văn hóa còn được kiến tạo từ những hành động nhỏ nhất của mỗi cá nhân. Trong tác phẩm *Đời sống mới*, Người kêu gọi: “Biết *ham học*. Trước hết là học chữ, học làm tính (...). Người có học mới có tiến bộ. Càng học

càng tiến bộ. Đó là đời sống mới của một người (...). Ai cũng làm như thế, thì tự nhiên nước Việt Nam ta trở nên một nước mới, một nước văn minh” (Hồ Chí Minh 2011, tập 5: 117-118). Rõ ràng, một “nước văn minh” không phải là một khẩu hiệu trừu tượng, mà là kết quả tổng hợp từ sự nỗ lực học hỏi, vươn lên của hàng triệu con người. Sức mạnh mềm của quốc gia được bồi đắp từ chính sự tiến bộ của mỗi công dân. Khi mỗi người dân trở thành một chủ thể văn hóa tích cực, cả dân tộc sẽ sở hữu một nguồn năng lượng nội sinh dồi dào, tạo ra sức hấp dẫn tự thân mà không một vũ lực nào có thể so bì.

## ***2.2. Văn hóa là động lực và mục tiêu phát triển***

Từ định nghĩa bao quát trên, Hồ Chí Minh đã đi đến một luận điểm quan trọng hơn: Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội. Đây là một bước phát triển vượt bậc trong tư duy lý luận, bởi nó chỉ ra mối quan hệ biện chứng, tương tác hai chiều giữa văn hóa và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Văn hóa không chỉ là cái đích để hướng tới, mà còn là con đường, phương tiện để đi đến cái đích đó.

Văn hóa là mục tiêu. Mục tiêu cuối cùng của cách mạng, của mọi sự phát triển kinh tế, chính trị là để con người được sống một cuộc sống tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn. Đó chính là mục tiêu văn hóa. Người khẳng định: “Mục đích của cách mạng là xây dựng một nước

Việt Nam độc lập, thống nhất, tự do, giàu mạnh. Làm cho nhân dân được hưởng hạnh phúc và xây dựng một xã hội sung sướng, vẻ vang” (Hồ Chí Minh 2011, tập 8: 265). “Hạnh phúc”, “sung sướng”, “vẻ vang” đều là những phạm trù văn hóa sâu sắc, cho thấy đích đến của sự phát triển không chỉ là những con số kinh tế khô khan, mà là chất lượng sống và phẩm giá con người. Một xã hội chỉ thực sự hùng mạnh khi người dân được sống trong một môi trường văn hóa nhân văn, nơi họ có thể phát triển toàn diện.

Văn hóa là động lực. Đây là khía cạnh thể hiện rõ nhất tư tưởng của Người về sức mạnh mềm. Văn hóa cung cấp hệ giá trị, tri thức, đạo đức và tinh thần để thúc đẩy xã hội tiến lên. Nó hun đúc nên phẩm chất và năng lực của con người, chủ thể của mọi sáng tạo.

Trước hết, văn hóa tạo ra con người yêu nước, mà lòng yêu nước chính là động lực vĩ đại nhất. Ngay cả việc rèn luyện thân thể cũng được Hồ Chí Minh nâng lên thành một hành động yêu nước, một biểu hiện văn hóa. Người viết: “Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khỏe tức là cả nước mạnh khỏe. Vậy nên luyện tập thể dục, bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi một người yêu nước” (Hồ Chí Minh 2011, tập 4: 241). Tư tưởng này đã biến một hành vi cá nhân thành trách nhiệm cộng đồng, chuyển hóa sức mạnh thể chất thành

sức mạnh tinh thần và sức mạnh quốc gia. Một dân tộc khỏe mạnh về thể chất và tinh thần tự thân đã toát lên một sức sống hấp dẫn.

Văn hóa giáo dục cũng là một động lực trực tiếp. Việc học không chỉ để biết chữ, mà là để phụng sự mục tiêu chung của dân tộc. Hồ Chí Minh đã đặt câu hỏi và tự trả lời một cách dứt khoát: “Học để phụng sự ai? Để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh, tức là để làm trọn nhiệm vụ *người chủ* của nước nhà” (Hồ Chí Minh 2011, tập 9: 179). Giáo dục, một trụ cột của văn hóa, trở thành công cụ để tạo ra những công dân có trách nhiệm, có năng lực cống hiến, từ đó kiến tạo nên một quốc gia “dân giàu, nước mạnh”. Đây chính là quá trình chuyển hóa vốn văn hóa thành vốn xã hội và sức mạnh quốc gia.

Hơn thế nữa, văn hóa còn là động lực để đoàn kết và huy động sức mạnh toàn dân. Khi đối mặt với những kẻ thù hùng mạnh, vũ khí lớn nhất của Việt Nam không phải là súng đạn, mà là tinh thần đoàn kết được nuôi dưỡng bởi văn hóa. Hồ Chí Minh khẳng định: “Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi” (Hồ Chí Minh 2011, tập 7: 164). Văn hóa, thông qua các giá trị như lòng yêu nước, tình nghĩa đồng bào, đã tạo ra chất keo kết dính toàn dân tộc thành một khối thống nhất, tạo nên một sức mạnh nội sinh mà không một thể

lực ngoại xâm nào có thể khuất phục.

Tóm lại, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, văn hóa được xem là suối nguồn của mọi sức mạnh. Nó không chỉ định hình nên tâm hồn, nhân cách con người Việt Nam, mà còn trực tiếp tạo ra động lực vật chất và tinh thần để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc Người khẳng định văn hóa phải “soi đường cho quốc dân đi” chính là sự xác quyết về vai trò dẫn dắt, định hướng của văn hóa trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Một quốc gia muốn có sức mạnh mềm bền vững, trước hết phải nhận thức sâu sắc rằng văn hóa chính là nền tảng, là động lực và là mục tiêu của chính mình.

Để văn hóa thực sự “soi đường”, nó không thể là một thực thể vay mượn hay vô hồn, mà phải bắt nguồn từ chiều sâu lịch sử, từ những giá trị độc đáo đã được hun đúc qua hàng ngàn năm. Đây chính là luận điểm cốt lõi thứ hai trong tư tưởng của Hồ Chí Minh: Bản sắc văn hóa dân tộc là cội rễ, là “cái gốc” của sức mạnh mềm.

### **3. Bản sắc văn hóa dân tộc là cội rễ, là “cái gốc” của sức mạnh mềm**

Nếu văn hóa là nguồn sức mạnh nội sinh, thì bản sắc dân tộc chính là mạch ngầm tạo nên sự sống và sự khác biệt cho nguồn sức mạnh ấy. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, một quốc gia chỉ có thể tạo ra sức hấp dẫn và ảnh hưởng thực sự khi đứng vững trên nền tảng bản sắc văn hóa độc đáo của chính mình. Người không bao giờ coi việc hội nhập quốc tế

là sự hòa tan, đánh mất bản ngã. Ngược lại, Người luôn nhấn mạnh rằng, chỉ khi nào chúng ta trân trọng, phát huy và làm tỏa sáng những giá trị riêng có của dân tộc, chúng ta mới có đủ tự tin và tư thế để giao lưu bình đẳng với thế giới. “Cái gốc” dân tộc càng vững chắc, thì cành lá vươn ra thế giới mới càng sum suê.

#### **3.1. Giữ gìn “cái gốc” dân tộc để vươn ra thế giới**

Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được mối quan hệ biện chứng giữa yếu tố dân tộc và yếu tố quốc tế trong văn hóa. Người không hề có tư tưởng bài ngoại hay tự cô lập. Ngay từ những năm 1920, Người đã viết: “Không giống như các dân tộc phương Tây, các dân tộc phương Đông không có những quan hệ và tiếp xúc giữa các lục địa với nhau. Họ hoàn toàn không biết đến những việc xảy ra ở các nước láng giềng gần gũi nhất của họ, do đó họ THIẾU SỰ TIN CẬY LẪN NHAU, SỰ PHỐI HỢP HÀNH ĐỘNG VÀ SỰ CỠ VỮ LẪN NHAU” (Hồ Chí Minh 2011, tập 1: 284). Sự phê phán này cho thấy, Người thấy rõ sự cần thiết của giao lưu, học hỏi để khắc phục sự biệt lập, yếu kém.

Tuy nhiên, giao lưu không có nghĩa là đánh mất mình. Nền tảng của mọi sự giao lưu phải là sức mạnh tự thân của văn hóa dân tộc. Hồ Chí Minh đã nêu một luận điểm mang tính cương lĩnh: “Xúc tiến công tác *văn hóa* để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Phải

triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng” (Hồ Chí Minh 2011, tập 7: 40).

Trong luận điểm này, “tính chất dân tộc” được đặt lên hàng đầu. Nó là bộ lọc, là lăng kính để “hấp thụ những cái mới”. Chúng ta tiếp thu tinh hoa nhân loại không phải để trở thành một bản sao mờ nhạt của người khác, mà là để làm giàu thêm, phong phú thêm cho di sản của chính dân tộc mình. Một nền văn hóa lai căng, mất gốc không thể có sức hấp dẫn, ngược lại, chỉ cho thấy sự tự ti và yếu kém. Sức mạnh mềm chỉ nảy sinh từ sự tự tin văn hóa, mà sự tự tin ấy phải được xây dựng trên nền tảng bản sắc vững chắc. Như Hồ Chí Minh từng khẳng định, muốn “thế giới hóa” thì trước hết phải “dân tộc hóa”.

Sức mạnh của cái gốc dân tộc Việt Nam được Hồ Chí Minh khẳng định một cách mãnh liệt: “Đất nước Việt Nam tuy bị giày xéo dưới gót sắt đầm máu của dị tộc, nhưng tinh thần dân tộc của người Việt Nam vĩnh viễn không vì thế mà bị tiêu diệt” (Hồ Chí Minh 2011, tập 3: 480). “Tinh thần dân tộc” ở đây chính là bản sắc văn hóa, là ý thức về cội nguồn, là sức sống tiềm tàng đã giúp dân tộc Việt Nam vượt qua một nghìn

năm Bắc thuộc và gần một trăm năm Pháp thuộc. Sức mạnh mềm của Việt Nam không nằm ở tiềm lực kinh tế hay quân sự, mà chính là ở sự kiên cường, bất khuất của một nền văn hóa không thể bị đồng hóa. Đây là một sức hấp dẫn đặc biệt, truyền cảm hứng cho các dân tộc bị áp bức khác trên thế giới.

### ***3.2. Giữ gìn tiếng nói, chữ viết là hồn cốt của dân tộc***

Trong các yếu tố cấu thành bản sắc dân tộc, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến tiếng nói và chữ viết. Người coi đây là phương tiện quan trọng nhất để bảo tồn và lan tỏa hồn cốt dân tộc, là biểu hiện sống động nhất của một nền văn hóa độc lập, tự chủ. Ngay sau khi Cách mạng thành công, một trong những nhiệm vụ cấp bách hàng đầu được Người đề ra là “chống nạn thất học”. Người tuyên bố: “Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ” (Hồ Chí Minh 2011, tập 4: 40).

Việc nhấn mạnh vào “chữ quốc ngữ” mang một ý nghĩa chính trị và văn hóa sâu sắc. Nó không chỉ là công cụ để xóa mù chữ, mà còn là sự khẳng định dứt khoát về chủ quyền văn hóa sau gần một thế kỷ bị áp đặt bởi văn hóa thực dân. Sử dụng và phổ biến chữ quốc ngữ là một cách để giải thực dân hóa trong tư tưởng, để xây dựng một nền văn hóa

mới thực sự của dân, do dân và vì dân.

Trong *Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ III của Hội Nhà báo Việt Nam* (1962), Hồ Chí Minh một lần nữa căn dặn về tầm quan trọng của tiếng Việt: “Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp. Của mình có mà không dùng, lại đi mượn của nước ngoài, đó chẳng phải là đầu óc quen ỷ lại sao?”. (Hồ Chí Minh 2011, tập 13: 465). Lời nhắc nhở này vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày nay. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc lạm dụng tiếng nước ngoài, xem nhẹ tiếng mẹ đẻ chính là một biểu hiện của sự xói mòn bản sắc, làm suy yếu sức mạnh mềm văn hóa. Một dân tộc chỉ thực sự được tôn trọng khi họ biết tôn trọng chính ngôn ngữ của mình. Sức hấp dẫn của một nền văn hóa cũng nằm ở vẻ đẹp, sự trong sáng và giàu có của ngôn ngữ mà nó biểu đạt.

### ***3.3. Phát huy lòng yêu nước với tư cách giá trị cốt lõi của bản sắc Việt Nam***

Nếu có một giá trị nào được Hồ Chí Minh coi là sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử và là hạt nhân của bản sắc văn hóa Việt Nam, thì đó chính là lòng yêu nước. Đây không chỉ là một tình cảm tự nhiên, mà đã được nâng lên thành một chủ nghĩa, một truyền thống quý báu, một động lực vô song. Sức mạnh mềm của Việt Nam, xét đến cùng, được kết tinh từ chính giá

trị cốt lõi này.

Trong *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng*, Hồ Chí Minh đã dành những lời đẹp nhất để nói về lòng yêu nước: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” (Hồ Chí Minh 2011, tập 7: 38). Ở đây, lòng yêu nước không chỉ là một giá trị tinh thần, mà đã được mô tả như một sức mạnh vật chất, một “làn sóng” có khả năng hành động và làm thay đổi lịch sử. Sức hấp dẫn của một dân tộc không chỉ đến từ những di sản hữu hình, mà còn từ chính sức sống tinh thần mãnh liệt, bất khuất được nuôi dưỡng bởi truyền thống ấy.

Lòng yêu nước trong tư tưởng của Hồ Chí Minh không phải là một khái niệm trừu tượng, mà được biểu hiện cụ thể trong hành động của mỗi con người, từ những người bình dị nhất. Người đã chỉ ra: “Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, (...) ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, (...) Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi

lòng nồng nàn yêu nước” (Hồ Chí Minh 2011, tập 7: 38).

Sức mạnh của lòng yêu nước nằm ở chỗ nó có khả năng cố kết cộng đồng, xóa nhòa mọi khác biệt về giai cấp, tôn giáo, tuổi tác. Nó trở thành mẫu số chung, thành giá trị phổ quát của toàn dân tộc. Một quốc gia mà mọi công dân, từ già đến trẻ, đều đồng lòng vì mục tiêu chung sẽ tạo ra một hình ảnh vô cùng mạnh mẽ và hấp dẫn. Đó là hình ảnh của một dân tộc đoàn kết, tự cường, biết hy sinh vì nghĩa lớn. Đây chính là một trong những biểu hiện cao nhất của sức mạnh mềm văn hóa.

Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ: “Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến” (Hồ Chí Minh 2011, tập 7: 38-39). Điều này cho thấy, văn hóa yêu nước không phải là thứ có sẵn, mà cần được khơi dậy, nuôi dưỡng và chuyển hóa thành hành động cụ thể. Vai trò của người lãnh đạo, của công tác văn hóa tư tưởng là phải biết cách biến tiềm năng văn hóa thành sức mạnh thực tế.

Việc xây dựng sức mạnh mềm văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh bắt buộc phải bắt nguồn từ “cái gốc” dân tộc. Đó là việc trân trọng và phát huy toàn bộ di sản văn hóa, từ ngôn ngữ, chữ viết, đến những truyền thống tốt đẹp, mà đỉnh cao là lòng yêu nước. Một dân tộc có bản sắc văn hóa mạnh mẽ sẽ có sức đề kháng cao trước sự xâm lăng văn hóa, đồng thời tạo ra một sức hấp dẫn độc đáo và bền vững trên trường quốc tế. Sức hấp dẫn đó sẽ còn được nhân lên gấp bội khi nó được kết hợp với những giá trị nhân văn, đạo đức phổ quát và một nền chính trị thực sự “vì dân”.

#### **4. Sức hấp dẫn từ các giá trị nhân văn, đạo đức và một nền chính trị “vì dân”**

Sức mạnh mềm không chỉ đến từ những di sản văn hóa truyền thống, mà còn được kiến tạo và tỏa sáng thông qua những giá trị đương đại, đặc biệt là các giá trị nhân văn, đạo đức và mô hình chính trị của một quốc gia. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, việc xây dựng một xã hội mới, một chế độ mới phải gắn liền với việc kiến tạo những giá trị mới có sức hấp dẫn và cảm hóa lòng người. Sức mạnh của Việt Nam mới không chỉ nằm ở tinh thần yêu nước bất khuất, mà còn ở một nền văn hóa, một nền chính trị lấy con người làm trung tâm, lấy đạo đức làm nền tảng và lấy việc phục vụ nhân dân làm lẽ sống. Đây chính là nguồn sức mạnh mềm có khả năng thuyết phục và lan tỏa vượt ra ngoài biên giới quốc gia.

#### **4.1. Năm điểm xây dựng nền văn hóa mới với tư cách một hệ giá trị toàn diện hướng tới con người**

Ngay từ năm 1943, Hồ Chí Minh đã phác thảo những nền tảng của một nền văn hóa mới, một hệ giá trị toàn diện nhằm giải phóng và phát triển con người. Người đề ra năm điểm mấu chốt:

“1- Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.

2- Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

3- Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.

4- Xây dựng chính trị: dân quyền.

5- Xây dựng kinh tế” (Hồ Chí Minh 2011, tập 3: 458).

Hệ thống năm điểm này cho thấy một tư duy văn hóa hết sức sâu sắc và tiên bộ. Nó bắt đầu từ bên trong con người (“tâm lý”, “luân lý”), lan tỏa ra cộng đồng (“xã hội”), và được thể chế hóa bằng các cấu trúc thượng tầng (“chính trị”, “kinh tế”). Toàn bộ hệ thống này đều xoay quanh trục “con người” và “nhân dân”. Tinh thần “độc lập, tự cường” tạo ra một dân tộc tự chủ. Luân lý “biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng” tạo ra một xã hội vị tha. Xã hội hướng đến “phúc lợi của nhân dân”, chính trị đảm bảo “dân quyền” và kinh tế phục vụ con người. Một xã hội được xây dựng trên những giá trị nhân văn như vậy tự nó đã là một thời nam châm, có sức hấp dẫn to lớn đối với không chỉ người dân trong

nước, mà cả bạn bè quốc tế. Nó thể hiện một mô hình phát triển ưu việt, nơi con người không phải là phương tiện, mà là mục đích của mọi sự phát triển.

#### **4.2. Văn hóa chính trị “lấy dân làm gốc”**

Một trong những đóng góp độc đáo và quan trọng nhất của Hồ Chí Minh vào lý luận sức mạnh mềm chính là tư tưởng về một nền chính trị “vì dân”. Người đã kế thừa và phát triển tư tưởng “thân dân” của cha ông lên một tầm cao mới. Sức mạnh và sự hấp dẫn của một chế độ chính trị, theo Người, không nằm ở bộ máy quyền lực đồ sộ hay sự tuyên truyền hoa mỹ, mà nằm ở sự tin yêu, ủng hộ của nhân dân.

Người luôn khẳng định một cách nhất quán: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ” (Hồ Chí Minh 2011, tập 9: 258) và “Chế độ ta là chế độ dân chủ. Nhân dân là chủ. Chính phủ là đầy tớ của nhân dân” (Hồ Chí Minh 2011, tập 9: 90). Mối quan hệ “chủ - đầy tớ” này đã đảo ngược hoàn toàn quan niệm về quyền lực trong các xã hội phong kiến và tư bản. Quyền lực không phải để thống trị, mà là để phục vụ. Người lãnh đạo không phải là “quan phụ mẫu”, mà là “người công bộc” của dân.

Một nền chính trị như vậy tạo ra sức mạnh mềm bằng cách xây dựng niềm tin. Khi người dân cảm thấy họ thực sự là người chủ của đất nước, quyền lợi của họ được tôn trọng và bảo vệ, họ sẽ tự

nguyên công hiến và bảo vệ chế độ đó. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nhân dân là *ông chủ* nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Thế là *dân chủ*” (Hồ Chí Minh 2011, tập 8: 263). Cơ chế dân chủ này, dù còn sơ khai, đã tạo ra một sự khác biệt về chất so với chế độ thực dân.

Hơn nữa, Người còn chỉ rõ cơ chế kiểm soát của nhân dân đối với chính quyền: “Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân” (Hồ Chí Minh 2011, tập 9: 90). Sự cởi mở, chấp nhận phê bình này là một biểu hiện của văn hóa chính trị cao. Một chính quyền không sợ hãi sự thật, dám đối mặt với những yếu kém của mình để sửa chữa, sẽ nhận được sự tôn trọng và tin cậy. Đây là một nguồn sức mạnh mềm vô giá, bởi nó chứng tỏ bản chất nhân văn và tiến bộ của chế độ.

### **4.3. Đạo đức là “gốc” của người cách mạng**

Sức hấp dẫn của một chế độ, một đảng cầm quyền không chỉ được thể hiện qua đường lối, chính sách, mà còn được biểu hiện một cách sống động qua đạo đức, lối sống của từng cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vấn đề này, coi đạo đức là “cái gốc” của người cách mạng. Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người

cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” (Hồ Chí Minh 2011, tập 5: 292-293).

Đạo đức cách mạng mà Hồ Chí Minh đề cập không phải là những giáo điều xa vời, mà là những phẩm chất cụ thể, thiết thực, có sức cảm hóa trực tiếp. Đó là “Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư”, là tinh thần “thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào (...) sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ” (Hồ Chí Minh 2011, tập 5: 291-292). Một người cán bộ sống giản dị, liêm khiết, hết lòng vì dân, sẽ có sức thuyết phục hơn vạn bài diễn văn. Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh với đôi dép cao su, bộ quần áo kaki bạc màu, sống trong ngôi nhà sàn đơn sơ, đã trở thành một biểu tượng bất hủ về đạo đức cách mạng, tạo ra một sức hấp dẫn và cảm phục sâu sắc trên toàn thế giới.

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc “nói đi đôi với làm”, sự nêu gương. Sự liêm khiết, chính trực của người lãnh đạo tạo ra uy tín và niềm tin – những thành tố quan trọng nhất của sức mạnh mềm. Khi người dân thấy rằng những người lãnh đạo của họ không màng danh lợi, không tham lam, “không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tặng bóc mình” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 5: 292), thì sẽ luôn tin tưởng và đi theo. Ngược lại, sự tham nhũng, quan liêu, xa rời quần chúng là liều thuốc độc hủy hoại

sức mạnh mềm nhanh nhất.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Một người cách mạng bao giờ cũng phải trung thành, hăng hái, xem lợi ích của Đảng và dân tộc quý hơn tính mệnh của mình. Bao giờ cũng quang minh chính trực, ham cách sinh hoạt tập thể, luôn sẵn sóc dân chúng, giữ gìn kỷ luật, kiên quyết chống lại “bệnh cá nhân”” (Hồ Chí Minh 2011, tập 5: 299). “Bệnh cá nhân” chính là kẻ thù của đạo đức, của niềm tin, và do đó, là kẻ thù của sức mạnh mềm.

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã chỉ ra một con đường kiến tạo sức mạnh mềm độc đáo: xây dựng sức hấp dẫn từ chính bản chất ưu việt của chế độ mới - một xã hội có hệ giá trị nhân văn, một nền chính trị thực sự dân chủ và vì dân, một đội ngũ cán bộ có đạo đức trong sáng, liêm khiết. Những giá trị này không chỉ củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tạo ra sức mạnh nội sinh to lớn, mà còn giúp Việt Nam có được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới. Để những giá trị này có thể lan tỏa và thấm sâu vào quần chúng, cần phải có một công cụ hữu hiệu, đó chính là việc nâng cao dân trí và sử dụng văn hóa như một vũ khí khai sáng.

### **5. Nâng cao dân trí và sử dụng văn hóa như một công cụ khai sáng, huy động sức mạnh toàn dân**

Một dân tộc chỉ có thể thực sự tự chủ và hùng mạnh khi người dân có trình độ nhận thức cao, có khả năng phân biệt đúng sai, và chủ động tham gia vào sự

nghiệp chung. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nâng cao dân trí không chỉ là một mục tiêu xã hội đơn thuần, mà là một yêu cầu chiến lược, một điều kiện tiên quyết để xây dựng và phát huy sức mạnh mềm. Một dân tộc được khai sáng sẽ tự mình tạo ra sức mạnh, tự mình trở thành chủ thể của văn hóa và cách mạng. Người đã nhận thức sâu sắc rằng, văn hóa, báo chí, nghệ thuật chính là những công cụ hữu hiệu nhất để thực hiện nhiệm vụ khai sáng và huy động sức mạnh vĩ đại của toàn dân.

#### ***5.1. “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” – nâng cao dân trí là quốc sách hàng đầu***

Ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ ngày 3 tháng 9 năm 1945, Hồ Chí Minh đã nêu ra sáu nhiệm vụ cấp bách, trong đó nhiệm vụ thứ hai, chỉ sau việc chống giặc đói, là chống giặc dốt. Người đã có một câu nói bất hủ, vang vọng mãi với thời gian: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” (Hồ Chí Minh 2011, tập 4: 7). Nhận định này đã đặt trình độ dân trí ngang hàng với những lĩnh vực quan trọng nhất của đời sống xã hội. Nó cho thấy một tầm nhìn chiến lược sâu sắc về mối quan hệ giữa tri thức và sức mạnh quốc gia.

“Dốt” ở đây không chỉ là không biết chữ. Dốt là không hiểu biết về quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không có kiến thức để xây dựng đất nước, dễ bị kẻ thù lừa bịp và lợi dụng. Một dân tộc

như vậy không thể có sức đề kháng, không thể tự quyết định vận mệnh của mình, và do đó không thể có sức mạnh, dù là cứng hay mềm. Hồ Chí Minh phân tích: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ” (Hồ Chí Minh 2011, tập 4: 7). Nhưng, để thực thi một hiến pháp dân chủ, người dân phải hiểu về nó, phải có đủ trình độ để làm chủ quyền lực của mình.

Chính vì vậy, phong trào “Bình dân học vụ” được phát động ngay sau đó không chỉ là một chiến dịch xóa mù chữ, mà còn là một cuộc cách mạng văn hóa thực sự. Nó nhằm mục đích khai sáng cho quần chúng, trang bị cho họ công cụ cơ bản nhất là đọc thông, viết thạo để có thể tiếp cận thông tin, tham gia vào đời sống chính trị và trở thành những công dân tích cực. Sức mạnh mềm của một quốc gia dân chủ không thể được xây dựng trên một nền tảng dân trí thấp, mà phải được vun đắp từ sự hiểu biết và tham gia tự giác của hàng triệu người dân.

Hồ Chí Minh cũng liên tục nhấn mạnh vai trò của học tập suốt đời. Ngay cả khi đã biết chữ, vẫn phải học thêm: “Một người không biết chữ, biết tính thì như nửa mù nửa quáng. Biết rồi, ta học thêm. Ngoài ra, còn biết bao

nhiều điều cần học. Việc thế giới rất nhiều, học không bao giờ hết. Người có học mới có tiến bộ” (Hồ Chí Minh 2011, tập 5: 117). Một xã hội học tập sẽ tạo ra một bầu không khí năng động, tiến bộ, có sức hấp dẫn lớn. Nó cho thấy một dân tộc luôn khát khao tri thức và không ngừng vươn lên.

### ***5.2. Văn hóa, báo chí là vũ khí sắc bén để tuyên truyền và tổ chức quần chúng***

Để thực hiện nhiệm vụ khai sáng và nâng cao dân trí, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò của các công cụ văn hóa, trong đó báo chí và văn nghệ được xem là những “vũ khí sắc bén” trên mặt trận tư tưởng. Người không xem văn hóa chỉ để giải trí, mà là một mặt trận, một phương tiện để tuyên truyền, giáo dục và tổ chức quần chúng hành động.

Người đòi hỏi các sản phẩm văn hóa phải có tính quần chúng sâu sắc. Tác phẩm văn hóa nghệ thuật, bài báo phải viết sao cho quần chúng “thích đọc, đọc rồi hiểu và dễ dàng vận dụng”. Mục đích cuối cùng không phải là để tác giả thể hiện tài năng, mà là để phục vụ nhân dân, nâng cao nhận thức của họ. Người chỉ rõ nhiệm vụ của báo chí là: “Tuyên truyền tốt trong nông dân và tổ chức tốt trong công nhân nếu chúng ta làm tốt được điều đó thì tương lai thuộc về chúng ta” (Hồ Chí Minh 2011, tập 1: 221). “Tuyên truyền” ở đây mang ý nghĩa tích cực là phổ biến tri thức, đường lối, chính sách, giúp người dân hiểu rõ tình hình và nhiệm vụ, từ đó đoàn kết và hành động.

Văn hóa, báo chí còn là công cụ để huy động sức mạnh toàn dân tham gia vào công cuộc chung. Ví dụ, trong chiến dịch thi đua ái quốc, Hồ Chí Minh kêu gọi: “Để làm những công việc trên, mọi người và mọi ngành đều phải hăng hái thi đua yêu nước, tăng gia sản xuất và tiết kiệm, tôn trọng và bảo vệ của công, tẩy trừ nạn tham ô, lãng phí” (Hồ Chí Minh 2011, tập 10: 103). Đề lời kêu gọi này đến được với mọi người, không gì hiệu quả hơn là các phương tiện văn hóa đại chúng. Báo chí, ca dao, hò vè, kịch nói... đều trở thành những kênh truyền tải thông điệp, biến chủ trương của Đảng và Chính phủ thành hành động tự giác của hàng triệu người.

Hơn nữa, văn hóa còn là công cụ để xây dựng con người mới, con người xã hội chủ nghĩa với những phẩm chất tốt đẹp. Hồ Chí Minh yêu cầu giáo dục phải “làm cho nông dân hiểu rõ quyền lợi của dân tộc và của giới mình; làm cho nông dân vào Hội nông dân cứu quốc cho đông để phân đấu cho mục đích của mình và tích cực tham gia công cuộc kháng chiến kiến quốc” (Hồ Chí Minh 2011, tập 6: 249). Giáo dục ở đây không chỉ là truyền thụ kiến thức, mà là giáo dục về ý thức chính trị, về tinh thần cộng đồng, về trách nhiệm công dân. Quá trình này tạo ra những con người mới, có lý tưởng, có năng lực và chính những con người này là nhân tố tạo nên sức mạnh mềm của chế độ.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, sức

mạnh mềm không phải là một khái niệm trừu tượng, mà là một kết quả cụ thể của quá trình khai sáng và huy động sức mạnh toàn dân. Bằng việc xác định “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”, Người đã đặt nền móng cho một chiến lược văn hóa lấy việc nâng cao dân trí làm trọng tâm. Bằng việc sử dụng văn hóa, báo chí, nghệ thuật như những “vũ khí sắc bén”, Người đã biến văn hóa thành một lực lượng vật chất, có khả năng thay đổi nhận thức và hành động của hàng triệu người. Một dân tộc có trí tuệ, có văn hóa sẽ tự tin đứng vững trên đôi chân của mình, đồng thời tạo ra một sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với thế giới. Sức hấp dẫn đó sẽ càng trở nên bền vững khi nó được kết hợp với một tinh thần khoan dung, hòa nhập và sẵn sàng tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại.

#### **6. Sức mạnh từ sự khoan dung, hòa nhập và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại**

Sức mạnh mềm của một quốc gia không chỉ được đo bằng sự độc đáo của bản sắc dân tộc hay sự ưu việt của hệ giá trị chính trị, mà còn được thể hiện qua thái độ và khả năng ứng xử với thế giới bên ngoài. Một nền văn hóa khép kín, tự mãn hay bài ngoại sẽ không thể có sức hấp dẫn và ảnh hưởng lâu dài. Ngược lại, một nền văn hóa cởi mở, khoan dung, biết cách đối thoại và tiếp thu tinh hoa của nhân loại một cách có chọn lọc sẽ tạo ra một sức mạnh mềm to lớn và bền vững. Tư tưởng Hồ Chí

Minh là một minh chứng sống động cho triết lý này. Người là hiện thân của sự kết hợp hài hòa giữa tinh thần dân tộc sâu sắc và tinh thần quốc tế rộng lớn, giữa sự kiên định về nguyên tắc và sự mềm dẻo, khoan dung trong sách lược.

### **6.1. Kết hợp hài hòa giữa dân tộc và nhân loại**

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh “cái gốc” dân tộc, đồng thời khẳng định sự cần thiết phải mở cửa để tiếp thu những giá trị tiến bộ của thế giới. Người đã nhìn thấy sự thống nhất biện chứng giữa hai yếu tố này. Việc tiếp thu tinh hoa nhân loại không làm suy yếu, mà ngược lại, còn làm giàu thêm cho văn hóa dân tộc.

Hồ Chí Minh đã phê phán cả hai khuynh hướng cực đoan: vừa bài ngoại, khép kín; vừa vọng ngoại, mất gốc. Ngay từ rất sớm, Người đã chỉ ra: “Là phi lý nếu nghĩ rằng hai dân tộc láng giềng như dân tộc An Nam và dân tộc Nhật Bản lại có thể cứ tồn tại biệt lập với nhau” (Hồ Chí Minh 2011, tập 1: 14). Sự biệt lập dẫn đến trì trệ và yếu kém. Do đó, cần phải chủ động giao lưu, học hỏi.

Trong *Báo cáo chính trị tại Đại hội II*, Hồ Chí Minh đã đưa ra một định hướng rất rõ ràng về xây dựng nền văn hóa mới: “Phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới” (Hồ Chí Minh 2011, tập 7: 40). “Hấp thụ” là một quá trình chủ động, có chọn lọc, có “tiêu hóa” để biến tri thức của nhân loại thành của mình, phục vụ

cho lợi ích của dân tộc mình.

Thái độ của Hồ Chí Minh đối với văn hóa Pháp là một ví dụ điển hình. Dù kiên quyết chống lại chủ nghĩa thực dân Pháp, Người vẫn luôn bày tỏ sự kính trọng đối với nhân dân và văn hóa Pháp: “chúng tôi không ghét không thù gì dân tộc Pháp. Trái lại chúng tôi kính phục cái dân tộc lớn lao ấy đã là kẻ đầu tiên truyền bá lý tưởng rộng rãi về tự do, bình đẳng và bác ái, và đã cống hiến rất nhiều cho văn hóa, cho khoa học và cho văn minh” (Hồ Chí Minh 2011, tập 4: 75). Khả năng phân biệt rạch ròi giữa chủ nghĩa thực dân và văn hóa của một dân tộc cho thấy một tầm nhìn văn hóa cao và một thái độ ứng xử đầy nhân văn. Chính thái độ này đã giúp Việt Nam tranh thủ được sự ủng hộ của nhiều người Pháp tiến bộ, tạo ra sức mạnh mềm ngay trong lòng đối phương.

Tư tưởng kết hợp giữa lòng yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản cũng là một biểu hiện của triết lý này. Hồ Chí Minh khẳng định: “Tinh thần yêu nước chân chính khác hẳn với tinh thần “vị quốc” của bọn đế quốc phản động. Nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế” (Hồ Chí Minh 2011, tập 7: 39). Lòng yêu nước của người Việt Nam không phải là chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, hẹp hòi, mà luôn gắn liền với sự nghiệp giải phóng của các dân tộc bị áp bức và của giai cấp công nhân trên toàn thế giới. Chính sự kết hợp này đã tạo nên tính chính nghĩa và sức hấp dẫn toàn cầu cho cuộc kháng chiến của Việt Nam.

## **6.2. Văn hóa chính trị khoan dung**

Sức mạnh mềm còn được thể hiện một cách mạnh mẽ qua văn hóa ứng xử chính trị, đặc biệt là sự khoan dung, hòa hợp. Hồ Chí Minh là một bậc thầy trong việc thu phục nhân tâm bằng sự khoan dung và lòng vị tha. Người chủ trương đoàn kết tất cả những ai có thể đoàn kết, không phân biệt quá khứ, thành phần, tôn giáo, miễn là họ có chung một mục tiêu là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ.

Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh sau Hiệp định Giơnevơ là một minh chứng hùng hồn: “Ngày nay, bất cứ người Việt Nam nào tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ thì chúng tôi đều không truy cứu những lầm lỗi đã qua và hoan nghênh họ cùng phấn đấu cho sự nghiệp chung” (Hồ Chí Minh 2011, tập 10: 16). Chính sách khoan dung này đã mở đường cho nhiều người từng ở phía bên kia quay về với dân tộc, giúp hàn gắn vết thương chiến tranh và củng cố khối đại đoàn kết. Một chính quyền biết tha thứ và dang rộng vòng tay đón nhận những người lầm lỗi sẽ tạo ra một hình ảnh nhân nghĩa, có sức cảm hóa lớn hơn nhiều so với việc dùng bạo lực để trả thù.

Ngay cả đối với những người Pháp từng tham chiến ở Việt Nam, Hồ Chí Minh cũng thể hiện một tinh thần hòa hiếu: “Một khi hòa bình được lập lại, những bạn nam nữ nào muốn trở lại đây làm việc và sống với chúng tôi như những người bạn và những người cùng hợp tác thì các bạn đó sẽ được tiếp đón thân mật” (Hồ Chí Minh 2011, tập 6: 445). Đây là một cử chỉ ngoại giao văn

hóa ở tầm cao, biến cựu thù thành bạn, xây dựng nền tảng cho mối quan hệ hữu nghị trong tương lai.

Triết lý “dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Hồ Chí Minh chính là đỉnh cao của văn hóa chính trị khoan dung và linh hoạt. “Bất biến” là những nguyên tắc cốt lõi, gồm độc lập dân tộc và lợi ích của nhân dân. “Ứng vạn biến” là sự mềm dẻo, linh hoạt trong sách lược, sẵn sàng đối thoại, thương lượng, nhân nhượng có nguyên tắc để đạt được mục tiêu cuối cùng. Khả năng vừa kiên định, vừa linh hoạt này cho thấy một tầm văn hóa sâu sắc, phản ánh sự tự tin lớn vào sức mạnh chính nghĩa của dân tộc. Chính điều đó đã giúp Việt Nam luôn ở thế chủ động, thu phục được lòng người và tranh thủ được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

Ngay cả trong những lúc khó khăn nhất, Hồ Chí Minh vẫn giữ vững niềm tin vào hòa bình và đối thoại. Người nói: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa” (Hồ Chí Minh 2011, tập 4: 534). Câu nói này cho thấy rõ, sự nhân nhượng của Việt Nam không phải là biểu hiện của sự yếu đuối, mà là thiện chí hòa bình. Khi thiện chí đó bị chà đạp, Việt Nam buộc phải cầm súng, và cuộc chiến tranh đó mang tính chất tự vệ chính đáng, tiếp tục tạo ra sức mạnh mềm về mặt đạo lý.

## **7. Kết luận**

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh mềm văn hóa là một hệ thống quan

điểm toàn diện, sâu sắc. Sức mạnh ấy không chỉ là công cụ để quảng bá hình ảnh quốc gia ra thế giới, mà trước hết và quan trọng nhất, nó là nguồn lực nội tại để xây dựng con người, củng cố khối đại đoàn kết, tạo ra động lực cho sự phát triển bền vững của chính dân tộc mình. Đó chính là ý nghĩa sâu sắc của luận điểm “văn hóa soi đường cho quốc dân đi”.

Tư tưởng đó bắt đầu từ việc nhận thức văn hóa là nguồn sức mạnh nội sinh, là ngọn đuốc soi đường, là động lực và mục tiêu của mọi sự phát triển. Nguồn sức mạnh đó phải được bắt rễ sâu trong bản sắc văn hóa dân tộc, với hạt nhân là lòng yêu nước nồng nàn và việc giữ gìn hồn cốt dân tộc qua tiếng nói, chữ viết. Sức mạnh ấy được nhân lên và tỏa sáng qua sức hấp dẫn của các giá trị nhân văn, đạo đức và một nền chính trị thực sự “vì dân”, nơi đạo đức của người lãnh đạo và quyền làm chủ của nhân dân là nền tảng. Để biến những giá trị đó thành hiện thực, Hồ Chí Minh chủ trương phải không ngừng nâng cao dân trí, sử dụng văn hóa, báo chí như những công cụ khai sáng, huy động sức mạnh vô tận của quần chúng. Cuối cùng, sức mạnh mềm đó trở nên bền vững và có tầm ảnh hưởng quốc tế nhờ vào một tinh thần khoan dung, hòa nhập, sẵn sàng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho chính mình.

Năm luận điểm cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh mềm văn hóa không chỉ có giá trị lịch sử trong việc lý

giải những thách lợi kỳ diệu của cách mạng Việt Nam, mà còn mang ý nghĩa thời đại sâu sắc. Trong thế giới phẳng ngày nay, khi vai trò của sức mạnh mềm ngày càng trở nên quan trọng, việc nghiên cứu và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa chính là con đường để Việt Nam xây dựng một vị thế vững chắc, một hình ảnh quốc gia hấp dẫn, có uy tín và tầm ảnh hưởng trên trường quốc tế. Đó là con đường xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

#### **Tài liệu trích dẫn**

1. Hồ Chí Minh. 1997. *Về văn hóa*. Hà Nội: Bảo tàng Hồ Chí Minh.
2. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
3. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 3. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
4. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
5. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 5. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
6. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 6. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
7. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 7. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
8. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 8. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
9. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 9. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
10. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 10. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.